



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP VÒNG 1

KỶ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 34/TB-HĐTD ngày 15/3/2022 của Hội đồng tuyển dụng)

I. PHẦN THI KIẾN THỨC CHUNG:

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;
3. Nghị định 90/2020/NĐ- CP, ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
4. Nghị định 112/2020/NĐ- CP, ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
5. Nghị định 115/2020/NĐ- CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
6. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.
7. Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

II. PHẦN THI NGOẠI NGỮ (Tiếng anh)

A. Bậc 1 – tương đương trình độ A1

1. Phạm vi kiến thức ngữ pháp

- Cách sử dụng các tính từ thông dụng để mô tả.
- Trạng từ chỉ mức độ thường xuyên (always, usually, often, sometimes, seldom, rarely, never).
- Cấu trúc đơn giản: be going to, there is/there are, V + to V, V + Ving, I'd like...
- So sánh hơn, so sánh nhất của tính từ.
- Cách sử dụng How much, how many.
- Danh từ số ít, số nhiều; danh từ đếm được, không đếm được.
- Các loại động từ khiếm khuyết: can, can't, could, couldn't... để chỉ khả năng ở hiện tại, quá khứ và chỉ sự cho phép.
- Cách sử dụng các thì thông dụng: hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn...
- Cách sử dụng giới từ trong tiếng Anh: Giới từ về thời gian; giới từ chỉ vị trí.
- Cách sử dụng đại từ trong tiếng Anh: Đại từ làm chủ ngữ và tân ngữ; Đại từ sở hữu; Đại từ chỉ định.

2. Phạm vi kiến thức từ vựng:

Từ vựng về đồ vật, động vật phổ biến, các hoạt động hàng ngày, về thời tiết, thời gian rảnh rỗi, về con người, địa điểm,...

B. Bậc 2 – tương đương trình độ A2

1. Phạm vi kiến thức ngữ pháp

- Cách sử dụng các thì thông dụng: hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn...

- Câu điều kiện loại 1, 2

- So sánh ngang bằng, so sánh hơn, so sánh nhất của tính từ, trạng từ.

- Đại từ, trạng từ quan hệ.

- Câu hỏi láy đuôi.

- Danh động từ và động từ nguyên thể

- Từ nối cơ bản: and, but, so, because, although

- Danh động (V-ing) từ đứng sau: giới từ, các động từ chỉ sự yêu ghét, bắt đầu, kết thúc.

- Các cách thức giao tiếp đơn giản.

- Giới từ chỉ địa điểm, thời gian và cụm giới từ.

2. Phạm vi kiến thức từ vựng.

Từ vựng về gia đình, sức khỏe, nghề nghiệp, các hoạt động ngày, con người, giải trí, các nước trên thế giới, các kỳ nghỉ, du lịch, phương tiện giao thông....
